Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 29/04/2025 08:48:21

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 276 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành; Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành; Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế

hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Nghĩa Hành;

Theo đề nghị của UBND huyện Nghĩa Hành tại Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 10/4/2025 và đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1966/TTr-SNNMT ngày 25/4/2025; ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2025: *(chi tiết tại Biểu 01 kèm theo).*

2. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025: *(chi tiết tại Biểu 02 kèm theo).*

3. Kế hoạch thu hồi đất năm 2025: *(chi tiết tại Biểu 03 kèm theo).*

4. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025: *(chi tiết tại Biểu 04 kèm theo).*

5. Danh mục công trình, dự án mới (chưa tính chuyển tiếp) trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành có 44 công trình, dự án, với diện tích là 200,81 ha, được xác định theo bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, gồm:

a) Danh mục công trình, dự án phải báo cáo HĐND tỉnh thông qua:

- Có 07 công trình, dự án thu hồi đất, với diện tích là 21,89 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 *(chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo).*

- Có 01 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác, với diện tích là 0,71ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 *(chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo).*

b) Danh mục công trình, dự án không phải báo cáo HĐND tỉnh thông qua:

- Có 12 công trình, dự án để thực hiện các thủ tục về đất đai, với diện tích 1,0 ha *(chi tiết tại Phụ biểu 03 kèm theo).*

- Có 24 công trình, dự án để đấu giá quyền sử dụng đất, với diện tích 177,21 ha *(chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo).*

6. Danh mục công trình, dự án hủy bỏ khỏi Kế hoạch sử dụng đất:

UBND huyện Nghĩa Hành đề nghị hủy bỏ 10 công trình, dự án, với tổng diện tích 103,81 ha *(chi tiết tại Phụ biểu 05 kèm theo)*.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Nghĩa Hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. UBND huyện Nghĩa Hành

a) Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất của địa phương theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; chịu trách nhiệm về nội dung, đối tượng đăng ký, tính chính xác tên gọi, vị trí, diện tích của công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất.

b) Thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, các quy định của pháp luật có liên quan và theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; trường hợp triển khai thực hiện thủ tục đất đai mà phát hiện công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất chưa đúng theo quy định thì kịp thời đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) xem xét điều chỉnh trước khi thực hiện các thủ tục đất đai theo đúng quy định.

c) Thường xuyên theo dõi, tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai tại địa phương theo quy định; chịu trách nhiệm pháp lý trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất; sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

d) Rà soát những công trình, dự án đã đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt, công bố công khai liên tiếp 02 năm nhưng không thực hiện để kịp thời điều chỉnh hoặc đề xuất huỷ bỏ.

đ) Đối với các công trình, dự án thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 67 của Luật Đất đai năm 2024 mà phải thu hồi đất thì UBND huyện Nghĩa Hành phải công bố công khai phạm vi thu hồi đất theo tiến độ của dự án đến người sử dụng đất.

e) Trường hợp có phát sinh công trình, dự án mới thì báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để được điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

g) Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất phải kiểm tra, rà soát, đối chiếu giữa các quy định, đặc biệt là về các quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất, ... có điểm nào chưa phù hợp, bất hợp lý thì phải báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, điều chỉnh trước khi thực hiện theo đúng quy định.

h) Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu UBND tỉnh về Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Nghĩa Hành.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn UBND huyện Nghĩa Hành trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt đảm bảo đúng quy định pháp luật và tổng hợp các nội dung phát sinh vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện theo quy định.

c) Tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan, tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

d) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu;
- Lưu: VT, KTN.th327

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Biểu 01

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2025 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 276.../QĐ-UBND ngày 28.../4/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích KH SDĐ 2025	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Dũng	Xã Hành Thuận	Xã Hành Đức	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Đông	Xã Hành T Tây
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+(..); hoặc (6)=(4)+(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
			23.448,55	**753,46**	**2.988,35**	**840,41**	**1.648,04**	**846,16**	**1.754,17**	**959,74**	**1.685,69**	**2.528,09**	**2.062,49**	**3.463,53**	**3.918,42**
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**19.462,30**	**477,94**	**2.601,77**	**641,93**	**1.117,04**	**613,49**	**1.485,42**	**741,40**	**1.308,16**	**2.205,53**	**1.566,73**	**3.096,44**	**3.606,44**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.450,71	123,50	309,45	272,08	457,68	270,22	316,76	185,29	482,64	317,27	335,62	131,96	248,24
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.295,98	123,50	286,76	272,08	415,37	255,92	310,76	185,29	479,01	305,90	313,71	121,57	226,11
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	154,73		22,69		42,30	14,30	6,00		3,64	11,38	21,91	10,39	22,13
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	2.984,80	111,73	410,72	68,48	178,38	332,85	553,01	342,57	207,33	237,94	162,24	224,27	155,28
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.778,27	242,62	339,54	280,89	88,81	10,42	260,69	48,25	294,16	259,12	377,15	273,23	303,38
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.021,96				21,93					105,87			894,16
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.175,80		1.541,99		367,63		354,64	165,19	318,50	1.281,46	678,93	2.462,72	2.004,75
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	1.605,68		14,44							59,27		1.327,00	204,98
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	23,29	0,09	0,06		0,56		0,32	0,09	5,52	2,72	12,80	0,50	0,64
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	4,21			3,00						1,15		0,06	
1.9	Đất làm muối	LMU													
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	23,25			17,48	2,06							3,72	
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**3.826,96**	**268,30**	**378,55**	**194,80**	**507,15**	**202,06**	**261,33**	**210,57**	**369,30**	**316,69**	**492,99**	**325,39**	**299,83**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.037,77		160,45	59,62	315,32	84,84	70,77	62,28	73,31	61,77	66,39	41,82	41,19
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	101,00	101,00											
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,52	4,68	0,30	0,34	0,37	0,23	0,39	1,19	0,55	0,41	0,48	0,58	
2.4	Đất quốc phòng	CQP	57,70				14,66						38,80	4,24	
2.5	Đất an ninh	CAN	2,23	0,91	0,24	0,09		0,10		0,10	0,10	0,14	0,20	0,15	0,20
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	73,35	13,40	6,11	5,90	5,06	4,10	5,35	4,13	6,95	8,94	4,70	3,84	4,85
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	10,17	0,72	1,51	0,79	0,60	0,20	1,48	0,80	1,57	0,79	0,48	0,38	0,85
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH													
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,52	1,94	0,11	0,17	0,08	0,17	0,12	0,12	0,16	0,21	0,19	0,04	0,21
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	33,94	6,67	2,52	1,76	2,71	2,24	2,17	2,21	3,79	4,09	2,16	1,74	1,87
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	25,59	4,03	1,96	3,08	1,67	1,49	1,58	1,01	1,43	3,85	1,87	1,69	1,92
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH													
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT													
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT													
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,14	0,04		0,10									
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	47,05	14,67	0,31	0,48	8,12	0,54	0,35	6,70	6,26	2,00	2,72	4,91	
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích KH SDĐ 2025	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Dũng	Xã Hành Thuận	Xã Hành Đức	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Đông	Xã Hành T Tây
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+(8)+(..); hoặc (6)=(4)+(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	13,54	13,54											
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT													
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,92	0,82	0,27	0,48	0,73	0,08	0,35	0,73	2,00	0,18	0,28		
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	17,26	0,31	0,04		4,70	0,07		5,97	4,26	1,82		0,10	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	10,34				2,69	0,40					2,44	4,82	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.231,75	80,02	126,80	90,88	107,04	61,92	118,51	97,54	136,15	81,37	167,87	55,10	108,55
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	737,08	62,62	83,20	59,96	71,56	36,83	63,54	63,58	78,21	49,78	91,88	37,81	38,11
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	461,89	9,18	33,21	30,25	34,66	24,72	54,55	32,45	53,28	30,69	74,97	14,33	69,60
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	0,29	0,16			0,03		0,03			0,04		0,03	
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	5,08	2,91								0,07		2,10	
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	6,06	0,58	0,58		0,32	0,08			3,47		0,10	0,62	0,30
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	9,70		9,19						0,05	0,05	0,06		0,35
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,81		0,17	0,01	0,02	0,01	0,04	0,23	0,07	0,09	0,05	0,06	0,07
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,81	0,25	0,04	0,02	0,03	0,01	0,02	0,05	0,12	0,12	0,12	0,01	0,02
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,87	0,56	0,23	0,44	0,17	0,27	0,34	0,14	0,29	0,51	0,69	0,13	0,10
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	6,15	3,76	0,18	0,20	0,25			1,08	0,66	0,03			
2.9	Đất tôn giáo	TON	8,37	0,89	0,19	0,43	3,69	1,13	0,57	0,54	0,57		0,36		
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	5,73	0,72	1,09	1,11	0,38	0,98	0,46	0,48	0,23	0,01	0,26		
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	410,97	30,31	42,83	22,79	40,60	35,00	30,89	25,11	52,07	30,30	65,37	11,68	24,04
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	837,84	21,70	40,24	10,11	11,89	13,21	34,04	12,48	92,49	131,75	145,85	203,08	120,99
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	8,39			0,13							8,26		
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh rạch, suối	SON	829,45	21,70	40,24	9,99	11,89	13,21	34,04	12,48	92,49	131,75	137,59	203,08	120,99
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,68			3,05					0,63				
3	**Nhóm đất chưa sử dụng**	**CSD**	**159,29**	**7,22**	**8,03**	**3,68**	**23,85**	**30,61**	**7,42**	**7,77**	**8,23**	**5,87**	**2,77**	**41,69**	**12,15**
	Trong đó:														
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	101,51	0,18	8,01	2,58	5,42	6,02	6,71	6,28	7,22	5,87	2,77	41,64	8,82
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS													
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS													
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	57,78	7,04	0,02	1,10	18,43	24,59	0,71	1,49	1,01			0,06	3,33

Biểu 02

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG TRONG NĂM 2025 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 276..../QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính												
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Dũng	Xã Hành Thuận	Xã Hành Đức	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Đông	Xã Hành Tín Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+….+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**													
1.1	Đất trồng lúa	LUA													
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC													
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK													
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK													
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN													
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX													
	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS													
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT													
1.9	Đất làm muối	LMU													
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH													
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**1,58**	**0,09**	**0,12**		**0,22**			**0,86**	**0,04**		**0,25**		
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT													
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT													
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC													
2.4	Đất quốc phòng	CQP													
2.5	Đất an ninh	CAN													
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,07		0,07										
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH													
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH													
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT													
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,07		0,07										
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT													
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH													
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT													
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT													
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK													
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK													
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK													
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.7.3	Đất khu công nghiệp thông tin tập trung	SCT													
2.7.4	Đất thương mại dịch vụ	TMD													
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC													
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1,51	0,09	0,05		0,22			0,86	0,04		0,25		
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1,51	0,09	0,05		0,22			0,86	0,04		0,25		
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Dũng	Xã Hành Thuận	Xã Hành Đức	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Đông	Xã Hành Tín Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+….+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT													
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC													
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD													
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA													
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL													
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV													
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH													
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV													
2.9	Đất tôn giáo	TON													
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN													
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hoả táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD													
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC													
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC													
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON													
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK													

Biểu 03

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 276..../QĐ-UBND ngày 28./4 /2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Dũng	Xã Hành Thuận	Xã Hành Đức	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Đông	Xã Hàn Tín Tâ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+….+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**119,34**	**2,94**	**15,40**	**8,54**	**9,31**	**0,10**	**0,09**	**18,74**	**27,64**	**0,35**	**35,24**	**0,81**	**0,18**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	74,92	2,00	7,42	0,70	8,87	0,10		6,69	24,87		24,09		0,18
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	73,58	2,00	7,30	0,70	7,65	0,10		6,69	24,87		24,09		0,18
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1,34		0,12		1,22								
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	23,78	0,66	3,83	1,82	0,39		0,09	11,34	2,72		2,14	0,79	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15,69	0,28	4,15	4,82	0,05			0,65	0,05	0,35	5,32	0,02	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD													
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3,69										3,69		
	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,06							0,06					
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT													
1.9	Đất làm muối	LMU													
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,20			1,20									
2	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**38,83**	**5,95**	**7,85**	**0,24**	**4,06**		**0,02**	**8,25**	**4,71**	**0,14**	**6,15**	**1,44**	**0,02**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	20,26		6,03	0,05	3,67			5,18	1,73		3,20	0,40	
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	4,37	4,37											
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,69	0,13	0,01				0,02	0,43	0,10				
2.4	Đất quốc phòng	CQP													
2.5	Đất an ninh	CAN													
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1,14	0,16	0,24		0,04				0,06	0,14	0,50		
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,89		0,24						0,03	0,14	0,48		
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH													
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,01										0,01		
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,22	0,14			0,04				0,03		0,01		
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT													
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH													
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT													
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT													
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	0,02	0,02											
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,01											0,01	
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK													
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.7.3	Đất khu công nghiệp thông tin tập trung	SCT													
2.7.4	Đất thương mại dịch vụ	TMD													
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,01											0,01	
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	5,30	0,26	0,80	0,18	0,32			0,95	1,36		1,41		0,02
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	0,25	0,18						0,02	0,01		0,03		0,01
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	5,03	0,08	0,80	0,18	0,32			0,92	1,35		1,37		0,01
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT													

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Dũng	Xã Hành Thuận	Xã Hành Đức	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Đông	Xã Hàn Tín Tâ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+….+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC													
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD													
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA													
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,01							0,01					
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,01										0,01		
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH													
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV													
2.9	Đất tôn giáo	TON													
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,06							0,06					
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hoả táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	2,57	0,18	0,58	0,01	0,03			0,93	0,13		0,71		
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	4,43	0,85	0,19					0,70	1,33		0,33	1,03	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC													
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4,43	0,85	0,19					0,70	1,33		0,33	1,03	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK													

Biểu 04

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 276/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Dũng	Xã Hành Thuận	Xã Hành Đức	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Đông	Xã Hành Tín Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	**Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp**	**NNP/PNN**	**119,34**	**2,94**	**15,40**	**8,54**	**9,31**	**0,10**	**0,09**	**18,74**	**27,64**	**0,35**	**35,24**	**0,81**	**0,18**
	Trong đó:														
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	74,92	2,00	7,42	0,70	8,87	0,10		6,69	24,87		24,09		0,18
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK/PNN	23,78	0,66	3,83	1,82	0,39		0,09	11,34	2,72		2,14	0,79	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	15,69	0,28	4,15	4,82	0,05			0,65	0,05	0,35	5,32	0,02	
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN													
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN													
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,69										3,69		
	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN/PNN*													
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,06							0,06					
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT/PNN													
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN													
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	1,2			1,20									
2	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**														
	Trong đó:														
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP													
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP													
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP													
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP													
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/NNP													
3	**Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn**	**MHT/CNT**													
4	**Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp**		**0,72**	**0,16**					**0,02**		**0,06**		**0,48**		
	Trong đó:														
4.1	Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai	MHT/PNC													
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	0,72	0,16					0,02		0,06		0,48		
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK													
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	MHT/CSK													
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD													

Phụ biểu 01

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số 276...../QĐ-UBND ngày 28../4 /2025 của UBND tỉnh)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(5)+(6)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	
A	**Trong ngân sách**									
1	Nhà văn hóa thôn Hòa Thọ	0,24	0,24		0,24	DVH	xã Hành Phước	Thửa 516, 559, 584, 585, 586 tờ bản đồ số 5	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình MTQG nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	Công trình đăng ký mới
2	Trường mầm non xã Hành Dũng	0,07	0,07		0,07	DGD	xã Hành Dũng	Tờ 16 thửa 1069	- Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND huyện Nghĩa Hành - Quyết định số 150/QĐ-UBND ngày 24/08/2024 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (lần 3)	Công trình đăng ký mới
3	Kè chống sạt lở sông Phước Giang, đoạn qua thị trấn Chợ Chùa	8,15	8,15		8,15	DPC	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ địa chính số 11, 12, 13, 15 và 16 thị trấn Chợ Chùa	- Quyết định số 5438/QĐ-UBND ngày 22/08/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: Kè chống sạt lở sông Phước Giang, đoạn qua thị trấn Chợ Chùa. - Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 10/04/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ nguồn tăng thu thực hiện ngân sách tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022. - Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 23/05/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phân bổ nguồn tăng thu thực hiện ngân sách tỉnh so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022 để thực hiện dự án: Kè chống sạt lở sông Phước Giang, đoạn qua thị trấn Chợ Chùa Nghị quyết số 22/2023/NĐ-HĐND ngày 22/09/2023 của HĐND tỉnh	KH 2023BS (QĐ 1202)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(5)+(6)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	
4	Đường tránh Đông, huyện Nghĩa hành	12,50	12,50		12,50	DGT	Xã Hành Thuận và TT Chợ Chùa	Tờ 11,13,17 (Hành Thuận); tờ 3,7, 12 (Chợ Chùa)	Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Nghĩa Hành Căn cứ Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	KH 2023 (QĐ 1579)
5	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Lâm	0,09	0,09		0,09	DVH	xã Hành Nhân	Thửa số 23 tờ 10	Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc tặng thưởng công trình phúc lợi Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2022
6	Khu dân cư Thầy Ba, xã Hành Nhân	0,71	0,71		0,71	ONT	xã Hành Nhân	Tờ bản đồ số 8, 9 xã Hành Nhân	Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt phương án Đấu giá quyền dử dụng đất Dự án Khu dân cư Thầy Ba, xã Hành Nhân Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII kỳ họp thứ 20 về việc thông qua danh mục công trình dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2020
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Nghĩa Hành	0,13	0,13		0,13	TMD	TT Chợ Chùa	Thửa đất số 377, tờ bản đồ số 21	Công văn số 677/UBND ngày 12/4/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thu hồi và bàn giao đất tại vị trí số 33 (Trụ sở Chi cục thuế cũ) cho Agribank Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi để làm thủ tục thuê đất và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	KH 2022
B	**Ngoài ngân sách**									

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, …)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(5)+(6)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	
	Tổng cộng:	**21,89**	**21,89**		**21,89**					

Phụ biểu 02

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC NĂM 2025 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 276/QĐ-UBND ngày 28/4 /2025 của UBND tỉnh)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích QH (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích đã chuyển mục đích (ha)	Loại đất đề nghị chuyển mục đích (ha)							Địa điểm *(đến cấp xã)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Đất trồng lúa (LUA)			Đất rừng đặc dụng (RDD)	Đất rừng phòng hộ (RPH)	Đất rừng sản xuất (RSX)					
					Diện tích	Trong đó				Diện tích	*Rừng tự nhiên (RSN)*				
						LUC	LUK								
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(7)+(8)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(17)*
A	**Trong ngân sách**														
1	Khu dân cư Thầy Ba, xã Hành Nhân	0,71	0,71		0,63	0,63						Xã Hành Nhân	Tờ bản đồ số 8, 9 xã Hành Nhân	Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt phương án Đấu giá quyền dử dụng đất Dự án Khu dân cư Thầy Ba, xã Hành Nhân Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII kỳ họp thứ 20 về việc thông qua danh mục công trình dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
B	**Ngoài ngân sách**														
	Tổng cộng:	**0,71**	**0,71**		**0,63**	**0,63**	**0**								

Phụ biểu 03

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC VỀ ĐẤT ĐAI NĂM 2025 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 276/QĐ-UBND ngày 28/ 4 /2025 của UBND tỉnh)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(5)+(6)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
A	**TRONG NGÂN SÁCH**									
I	**Công trình, dự án thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh**									
II	**Công trình, dự án khác**									
1	Khu dân cư nhà văn hóa thôn Xuân Hòa	0,17	0,17		0,17	ONT	xã Hành Thịnh	Thửa đất số 122 tờ bản đồ số 15	Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Nghĩa Hành theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà và đất trên địa bàn huyện Nghĩa Hành
2	Khu dân cư nhà văn hóa thôn Châu Mỹ	0,07	0,07		0,07	ONT	xã Hành Thịnh	Thửa đất số 142 tờ bản đồ số 22	Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Nghĩa Hành theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà và đất trên địa bàn huyện Nghĩa Hành
3	Khu dân cư nhà văn hóa thôn Hòa Huân	0,14	0,14		0,14	ONT	xã Hành Thịnh	Thửa đất số 77 tờ bản đồ số 35	Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Nghĩa Hành theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà và đất trên địa bàn huyện Nghĩa Hành
4	Chuyển đất mẫu giáo Hòa Thọ 1 sang đất ở	0,05	0,05		0,05	ONT	xã Hành Phước	Thửa 565 tờ bản đồ 05	Theo Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Hành Phước	

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(5)+(6)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
5	Điểm dân cư Trường mẫu giáo đội 14, tổ dân phố Phú Vinh Tây, thị trấn Chợ Chùa	0,05	0,05		0,05	ODT	TT Chợ Chùa	Thửa 209 tờ BĐ 24	Quyết định 1626/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Nghĩa Hành theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ	
6	Điểm dân cư Trường mẫu giáo đội 6, thôn Phú Bình Đông, thị trấn Chợ Chùa	0,05	0,05		0,05	ODT	TT Chợ Chùa	Thửa 72, tờ BĐ 8	Quyết định 1626/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Nghĩa Hành theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ	
7	Điểm dân cư Trường mẫu giáo đội 8, tổ dân phố Phú Vinh Đông, thị trấn Chợ Chùa	0,04	0,04		0,04	ODT	TT Chợ Chùa	Tờ BĐ 18	Quyết định 1626/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Nghĩa Hành theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ	
8	Điểm dân cư thị trấn Chợ Chùa	0,02	0,02		0,02	ODT	Thị trấn Chợ Chùa	Thửa 422, tờ BĐ 7	Quyết định 1626/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Nghĩa Hành theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ	KH 2022(QĐ 1383 ngày 31/12/2021)
9	Điểm dân cư Hành Dũng	0,01	0,01		0,01	ONT	xã Hành Dũng	Thửa 1121 Tờ BĐ 16		KH 2022(QĐ 1383 ngày 31/12/2021)
10	Điểm dân cư xã Hành Nhân	0,02	0,02		0,02	ONT	xã Hành Nhân	Thửa 117 Tờ BĐ 26	Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện Nghĩa Hành theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021	KH 2022(QĐ 1383 ngày 31/12/2021)

STT	HẠNG MỤC	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Mục đích sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)=(5)+(6)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
11	Điểm dân cư Hòa Thọ 2, xã Hành Phước	0,03	0,03		0,03	ONT	xã Hành Phước	Thửa 09 Tờ BĐ 28	Theo Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Hành Phước	KH 2022(QĐ 1383 ngày 31/12/2021)
12	Mở rộng Nghĩa địa nhân dân Gò Ông Thọ	0,35	0,35		0,35	NTD	xã Hành Thiện	Thửa đất số 37 tờ bản đồ số 40 (tỷ lệ 1/5000), xã Hành Thiện	Quyết định 108/UBND ngày 28/8/2023 của UBND xã Hành Thiện về việc phân bổ các dự án sử dụng đất năm 2024	KH 2024
B	**NGOÀI NGÂN SÁCH**									
	Tổng cộng	**1,00**	**1,00**		**1,00**					

Phụ biểu 04

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số 276...../QĐ-UBND ngày .28./ ..4... /2025 của UBND tỉnh)

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị đang quản lý	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Loại đất		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
				Hiện trạng	Đưa ra đấu giá				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1	01 Lô đất ở Khu tái định cư Gò Cách	UBND xã	0,03	ONT	ONT	xã Hành Thuận	Thửa đất số 3018, tờ bản đồ số 9	Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 14/01/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2015 định hướng đến năm 2020	
2	Khu dân cư nhà văn hóa thôn Xuân Hòa	UBND xã	0,17	DVH	ONT	xã Hành Thịnh	Thửa đất số 122 tờ bản đồ số 15	Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phương án sắp xếp lại xử lý nhà và đất trên đ bàn huyện Nghĩa Hàn
3	Khu dân cư nhà văn hóa thôn Châu Mỹ	UBND xã	0,07	DVH	ONT	xã Hành Thịnh	Thửa đất số 142 tờ bản đồ số 22	Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phương án sắp xếp lại xử lý nhà và đất trên đ bàn huyện Nghĩa Hàn
4	Khu dân cư nhà văn hóa thôn Hòa Huân	UBND xã	0,14	DVH	ONT	xã Hành Thịnh	Thửa đất số 77 tờ bản đồ số 4	Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phương án sắp xếp lại xử lý nhà và đất trên đ bàn huyện Nghĩa Hàn

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị đang quản lý	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Loại đất		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
				Hiện trạng	Đưa ra đấu giá				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
5	09 lô đất ở tại Khu tái định cư Mỹ Hưng, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành thuộc dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát - Đá Chát), đoạn Km0+00-Km8+00	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi	0,17	ONT	ONT	xã Hành Thịnh	Tờ bản đồ số 32, 33	Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 17/08/2023 về việc thu hồi đất của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh đối với các Lô đất ở còn lại tại Khu tái định cư Mỹ Hưng, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi do không còn nhu cầu sử dụng đất; Quyết định 981/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 09 lô đất tại Khu tái định cư Mỹ Hưng, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành thuộc dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.624B (Quán Lát - Đá Chát), đoạn Km00+00-Km8+00	
6	Đấu giá Khu dân cư Lễ Giai	UBND xã	0,07	ONT	ONT	xã Hành Phước	Thửa đất số 275, tờ bản đồ số 12	Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Công văn số 670/UBND ngày 13/11/2013 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc thống nhất xây dựng điểm dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Hành Phước	Đã đấu giá đất còn lại lô
7	Khu dân cư Bồ Dụng	UBND xã	0,07	ONT	ONT	xã Hành Phước	Thửa 80 tờ bản đồ 29	Công văn số 2013/UBND ngày 14/9/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành	Đã đấu giá đất còn lại lô
8	Chuyển đất mẫu giáo Hòa Thọ 2 sang đất ở	UBND xã	0,03	DGD	ONT	xã Hành Phước	Thửa 09 tờ bản đồ 28	Theo Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Hành Phước	
9	Chuyển đất mẫu giáo Hòa Thọ 1 sang đất ở	UBND xã	0,05	DGD	ONT	xã Hành Phước	Thửa 565 tờ bản đồ 05	Theo Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Hành Phước	

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị đang quản lý	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Loại đất		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
				Hiện trạng	Đưa ra đấu giá				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
10	Dự án: Đất thu hồi Trạm mía của công ty cổ phần đường Quảng Ngãi, tại thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành.	Ban QLĐTXD&PTQĐ huyện Nghĩa Hành	0,06	ODT	ODT	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ số 7 thửa 771 Thị trấn Chợ Chùa	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh về việc giao đất Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành để quản lý, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định	
11	Dự án Khu dân cư Đồng Dinh, (giai đoạn 2)	Ban QLĐTXD&PTQĐ huyện Nghĩa Hành	2,26	ODT	ODT	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ số 03, 07 thị trấn Chợ Chùa.	Quyết định số 6151/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc điều chỉnh Quyết Định 5441/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất Dự án: Khu dân cư Đồng Dinh, giai đoạn 2, thị trấn Chợ Chùa	
12	Dự án khu dân cư Bắc đồng xít (giai đoạn 3)	Ban QLĐTXD&PTQĐ huyện Nghĩa Hành	0,02	ODT	ODT	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ số 22 thửa 928, 929 Thị trấn Chợ Chùa	Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc cho phép triển khai bán đấu giá QSD đất đối với 20 thửa đất thuộc dự án Khu dân cư Bắc Đồng Xít (giai đoạn 3)	
13	Dự án KDC Thầy Ba xã Hành Nhân	Ban QLĐTXD&PTQĐ huyện Nghĩa Hành	0,29	ONT	ONT	Xã Hành Nhân	Tờ bản đồ số 08, 09 xã Hành Nhân	Quyết định số 1515/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt phương án Đấu giá quyền dử dụng đất Dự án Khu dân cư Thầy Ba, xã Hành Nhân	

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị đang quản lý	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Loại đất		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
				Hiện trạng	Đưa ra đấu giá				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
14	Dự án KDC Đồng Chợ, Thị trấn Chợ Chùa	Ban QLĐTXD&PTQĐ huyện Nghĩa Hành	0,03	ODT	ODT	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ 21 thửa 563, 564, 565 Thị trấn Chợ Chùa	Quyết định 3045/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt phương án Đấu giá QSD đất đối với 03 lô đất NP02 tại Khu dân cư Đồng Chợ và 01 lô dọc đường tỉnh ĐT628; Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc Đấu giá QSD đất đối với 03 lô đất NP02-08, NP02-09, NP02-10 Khu dân cư Đồng Chợ huyện Nghĩa Hành	
15	Dự án KDC Đồng Dinh (55 lô)	Ban QLĐTXD&PTQĐ huyện Nghĩa Hành	1,05	ODT	ODT	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ số 7, Từ thửa đất số 652 đến thửa đất 707 (trừ thửa 691) Thị trấn Chợ Chùa	Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc cho phép triển khai bán Đấu giá QSD đất đối với 56 thửa đất thuộc dự án: Khu dân cư Đồng Dinh, thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành (đợt 1)	
16	Dự án KDC Đồng Xít, (01 lô đất thuộc tỉnh lộ ĐT.628)	Ban QLĐTXD&PTQĐ huyện Nghĩa Hành	0,01	ODT	ODT	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ số 22, thửa 245 Thị trấn Chợ Chùa	Quyết định 3045/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt phương án Đấu giá QSD đất đối với 03 lô đất NP02 tại Khu dân cư Đồng Chợ và 01 lô dọc đường tỉnh ĐT628	
17	Đất thu hồi dự án trồng rừng tại xã Hành Dũng.	Ban QLĐTXD&PTQĐ huyện Nghĩa Hành	172,18	RSX	RSX	Xã Hành Dũng	Thuộc mảnh bản đồ cơ sở số 668575, xã Hành Dũng huyện Nghĩa Hành.	Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành quản lý, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	
18	Điểm dân cư ngõ ông Hạnh	UBND xã	0,32	ONT	ONT	xã Hành Dũng	Tờ 16	Quyết định 98/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND huyện Nghĩa Hành về việc cho phép triển khai bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với 17 lô đất thuộc Điểm dân cư Ngõ Ông Hạnh, thôn An Hòa, xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành	Điểm dân cư ngõ ông Hạnh còn 17 lô, đã đấu giá được 4 lô, còn lại 1 lô chưa đấu giá thành công

STT	HẠNG MỤC	Đơn vị đang quản lý	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Loại đất		Địa điểm *(đến cấp xã, phường, thị trấn)*	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Cơ sở pháp lý (Chủ trương đầu tư, văn bản bố trí vốn, ...)	Ghi chú
				Hiện trạng	Đưa ra đấu giá				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
19	Điểm dân cư thị trấn Chợ Chùa	UBND xã	0,02	TSC	ODT	TT Chợ Chùa	Thửa 422, tờ BĐ 7	Quyết định 1626/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	Phương án sắp xếp lại tài sản công
20	Điểm dân cư Trường mẫu giáo đội 14, tổ dân phố Phú Vinh Tây, thị trấn Chợ Chùa	UBND xã	0,05	DGD	ODT	TT Chợ Chùa	Thửa 209 tờ BĐ 24	Quyết định 1626/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	Phương án sắp xếp lại tài sản công
21	Điểm dân cư Trường mẫu giáo đội 6, thôn Phú Bình Đông, thị trấn Chợ Chùa	UBND xã	0,05	DGD	ODT	TT Chợ Chùa	Thửa 72, tờ BĐ 8	Quyết định 1626/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	Phương án sắp xếp lại tài sản công
22	Điểm dân cư Trường mẫu giáo đội 8, tổ dân phố Phú Vinh Đông, thị trấn Chợ Chùa	UBND xã	0,04	DGD	ODT	TT Chợ Chùa	Tờ BĐ 18	Quyết định 1626/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	Phương án sắp xếp lại tài sản công
23	Điểm dân cư xã Hành Dũng	UBND xã	0,01	TSC	ONT	xã Hành Dũng	Thửa 1121 Tờ BĐ 16		
24	Điểm dân cư xã Hành Nhân	UBND xã	0,02	TSC	ONT	xã Hành Nhân	Thửa 117, tờ BĐ 26	Quyết định 1089/QĐ-UBND ngày 20/07/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà và đất trên địa bàn huyện Nghĩa Hành
	Tổng cộng		**177,21**						

Phụ biểu 05

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN HỦY BỎ KHỎI KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 1276/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất	Thông tin theo Quyết định				Nguồn vốn (trong ngân sách hoặc ngoài ngân sách, doanh nghiệp)	Lý do loại bỏ	Ghi chú
			Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(9)*	*(10)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
1	**Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (Điều 79)**								
1	KDC phía Tây Đường Tránh Đông, xã Hành Thuận	KH 2022 BS (QĐ 1317 ngày 23/11/2022)	4,20	4,20	xã Hành Thuận	Tờ bản đồ số 03, 17 xã Hành Thuận		Dự án thuộc KH năm 2022 bổ sung. Nay thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 76, Luật đất đai 2024. Xin đăng ký loại bỏ khỏi KHSD đất	
2	Nâng cấp đường huyện ĐH.56C (Hành Minh-Hành Đức)	KH 2022 (QĐ 1383 ngày 31/12/2021)	3.32	3.32	xã Hành Minh, Hành Đức	Tờ số 8, 10, 11, 12, 31, 32, 33 (Hành Đức); Tờ số 14, 15 (Hành Minh)		Nâng cấp trên nền hiện trạng cũ, không thu hồi đất	
3	Tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư Khu dân cư Đồng Trảy, xã Hành Thuận	KH 2022 BS (QĐ 884 ngày 11/8/2022)	5,00	5,00	xã Hành Thuận	Tờ bản đồ: 11, 12, 13		Dự án thuộc KH năm 2022 bổ sung. Nay thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 76, Luật đất đai 2024. Xin đăng ký loại bỏ khỏi KHSD đất	

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất	Thông tin theo Quyết định				Nguồn vốn (trong ngân sách hoặc ngoài ngân sách, doanh nghiệp)	Lý do loại bỏ	Ghi chú
			Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(9)*	*(10)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
4	Khai thác đất làm vật liệu san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đất thôn Vạn Xuân, xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	KH 2023 BS (QĐ 917 ngày 11/9/2023)	16,76	16,76	Xã Hành Thiện	Tờ bản đồ số 16, 20 và 41		Dự án thuộc KH năm 2023 bổ sung. Nay thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 76, Luật đất đai 2024. Xin đăng ký loại bỏ khỏi KHSD đất	
5	Nâng cấp sửa chữa NVH Phú Bình Đông	KH 2022 (QĐ 1383 ngày 31/12/2021)	0,14	0,14	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ số 8		Xây dựng trên đất công ích của UBND xã, không cần thu hồi đất	
2	**Công trình, dự án thu hồi đất để thực hiện theo hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (Điều 126)**								
1	KDC phía Nam Cụm Công Nghiệp Đồng Dinh	KH 2022BS (QĐ 884 ngày 11/8/2022)	33,70	33,70	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ bản đồ: 6, 7, 10, 11, 12		Dự án thuộc KH năm 2022 bổ sung. Nay thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 76, Luật đất đai 2024. Xin đăng ký loại bỏ khỏi KHSD đất	Thực hiện đấu giá, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
2	Khu dân cư phía Bắc Kênh N12	KH 2023 (QĐ 1579 ngày 31/12/2022)	4,83	4,83	xã Hành Đức	Tờ 1,3,4 xã Hành Đức		Dự án thuộc KH năm 2023. Nay thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 76, Luật đất đai 2024. Xin đăng ký loại bỏ khỏi KHSD đất	Thực hiện đấu giá, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

STT	Tên công trình, dự án	Quyết định phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất	Thông tin theo Quyết định				Nguồn vốn (trong ngân sách hoặc ngoài ngân sách, doanh nghiệp)	Lý do loại bỏ	Ghi chú
			Tổng diện tích (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã, phường, thị trấn)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(9)*	*(10)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
3	Khu dân cư phía Nam Kênh N12	KH 2023 (QĐ 1579 ngày 31/12/2022)	18,52	18,52	TT Chợ Chùa và xã Hành Đức	Tờ 3,4 xã Hành Đức và tờ 24,25,26 thị trấn Chợ Chùa		Dự án thuộc KH năm 2023. Nay thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 76, Luật đất đai 2024. Xin đăng ký loại bỏ khỏi KHSD đất	Thực hiện đấu giá, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
4	Cụm công nghiệp Đồng Dinh	KH 2023 (QĐ 1579 ngày 31/12/2022)	4,56	4,56	TT Chợ Chùa	Tờ 2,6		Dự án thuộc KH năm 2023. Nay thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 76, Luật đất đai 2024. Xin đăng ký loại bỏ khỏi KHSD đất	
5	Khu dân cư Hành Thuận	KH 2023 (QĐ 1202 ngày 01/11/2023)	16,10	16,10	Xã Hành Thuận	Tờ bản đồ địa chính số 11, 14, 17 và 18 xã Hành Thuận		Dự án thuộc KH năm 2023. Nay thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 76, Luật đất đai 2024. Xin đăng ký loại bỏ khỏi KHSD đất	
	Tổng cộng: 10 CT		**103,81**	**103,81**					